BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 742/QĐ-ĐHĐĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành "Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

Căn cứ Quyết định 534/QĐ-TTg ngày 03/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Đông Đô sang loại hình trường đại học tư thục.

Căn cứ Quyết định 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 564/QĐ-ĐHĐĐ ngày 25/6/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-ĐHĐĐ ngày 06/3/2020 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Biên bản số 733A/BB-ĐHĐĐ ngày 07/9/2021 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Đông Đô về việc thông qua việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành của Khoa Kỹ thuật và Công nghệ, ngành Luật kinh tế, ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sỹ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế", mã ngành 7380107.

Điều 2. Chương trình trên áp dụng cho đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và hệ đào tạo vừa làm vừa học ngành Luật Kinh tế từ ngày 25 tháng 9 năm 2021. Các chương trình đào tạo liên quan trước đây đều được bãi bỏ.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Đào tạo và Quản lý sinh viên, Khảo thí - Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Tài chính - Kế toán, Khoa Luật Kinh tế chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

PGS,TS. Lê Ngọc Tòng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

DONG DO
UNIVERSITY
Be International

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ. MÃ NGÀNH 738.01.07

Hà Nội, 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ

(Ban hành theo Quyết định số 742/QĐ-ĐHĐĐ ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)

Tên chương trình : Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Ngành Luật Kinh tế
Mã ngành : 7380107
Loại hình đào tạo : Chính quy, vừa làm vừa học
Đơn vị thực hiện: Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Đông Đô.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Luật kinh tế có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng Luật kinh tế, đáp ứng được yêu cầu của xã hội;

Đào tạo ra những nhà Luật học có chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt có năng lực cơ bản, kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

Đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế- xã hội trong và ngoài nước hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các nhà Luật học có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn về Luật kinh tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật; có kiến thức cơ bản về pháp luật, văn hoá - xã hội, kinh tế chính trị;

Có kiến thức tốt về Luật kinh tế và các luật khác trong hệ thống pháp luật Việt nam nói chung để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng luật, đặc biệt là ngành Luật kinh tế.

Có kiến thức cơ bản về lý luận và nguyên tắc về Luật học để làm việc độc lập với tư cách là một luật sư, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Điều tra viên, tư vấn viên tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Có phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật học để nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng chuyên môn: Tiếp nhận vấn đề, nắm bắt nhu cầu pháp luật cần phải giải quyết, phân tích và tổng hợp thông tin, đánh giá chứng cứ, nhận định đúng sai theo quy định của pháp luật để có hướng giải quyết. Kỹ năng nghiệp vụ trong kinh doanh thương mại; Kỹ năng tổ chức công việc như tra cứu, cập nhập, phân loại các văn bản pháp luật, đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng phục vụ hoạt động doanh nghiệp. Kỹ năng tổ chức các sinh hoạt khoa học, thuyết trình, giới thiệu văn bản pháp luật mới. Trình độ tiếng Anh bằng B và tin học bằng A; Lập và thực hiện kế hoạch công tác đảm bảo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ; Có khả năng thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp; Vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

Kỹ năng nghề nghiệp: vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống. Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác và làm việc với cộng đồng. Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào điều kiện, môi trường công tác thực tế. Có kỹ năng sử dụng công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

1.2.3. Thái độ

Chấp hành đúng, đầy đủ các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các qui chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường; Có ý thức tôn trọng đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; Có ý thức trách nhiệm công dân tốt, hết lòng phục vụ tổ quốc, lối sống lành mạnh phù hợp với bản sắc dân tộc; Phương pháp làm việc khoa học, có ý chí vươn lên trong học tập; tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong trường đại học và cộng đồng xã hội.

1.2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2.5. Định hướng nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành luật kinh tế có thể đảm nhận được các vị trí việc làm tại Sở Kế hoạch & Đầu tư, Phòng Kinh tế, Toà án nhân dân các cấp, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp, luật sư, tư vấn viên.

1.2.6. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp ngành Luật kinh tế có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc học thuộc các ngành, chuyên ngành thạc sĩ luật học, tiến sĩ luật học

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Người học phải có hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật; có kiến thức cơ bản về pháp luật, văn hoá - xã hội, kinh tế chính trị;

Có kiến thức tốt về Luật kinh tế và các luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng luật, đặc biệt là ngành Luật kinh tế.

Có kiến thức cơ bản về lý luận và kiến thức về một số ngành Luật như Luật hình sự, Tố tụng hình sự, Luật dân sự, Tố tụng dân sự, lao động, đất đai, hành chính, công chứng, thi hành án, thừa phát lại.

Có kiến thức về những qui định, các tập quán quốc tế trong lĩnh vực công pháp, tư pháp.

2.2. Kỹ năng. Cử nhân Luật kinh tế có các kỹ năng sau:

Kỹ năng chuyên môn: Tiếp nhận vấn đề, nắm bắt nhu cầu pháp luật cần phải giải quyết, phân tích và tổng hợp thông tin, đánh giá chứng cứ, nhận định đúng sai theo quy định của pháp luật để có hướng giải quyết. Kỹ năng nghiệp vụ trong kinh doanh, thương mại, Các thủ tục tố tụng hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, đất đai, hành chính; Kỹ năng tổ chức công việc như tra cứu, cập nhập, phân loại các văn bản pháp luật, đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng phục vụ hoạt động doanh nghiệp. Có Kỹ năng tổ chức các sinh hoạt khoa học, thuyết trình, giới thiệu văn bản pháp luật mới. Áp dụng trình độ tiếng Anh và tin học vào hoạt động nghề nghiệp; Lập và thực hiện kế hoạch công tác đảm bảo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ; Có khả năng thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp; Vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

Kỹ năng nghề nghiệp: vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống. Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác

và làm việc với cộng đồng. Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào điều kiện, môi trường công tác thực tế. Có kỹ năng sử dụng công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

2.3. Thái độ

Chấp hành đúng, đầy đủ các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường; Có ý thức tôn trọng đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; Có ý thức trách nhiệm công dân tốt, hết lòng phục vụ Tổ quốc, lối sống lành mạnh phù hợp với bản sắc dân tộc; Phương pháp làm việc khoa học, có ý chí vươn lên trong học tập; tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong trường đại học và cộng đồng xã hội.

2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Có năng lực áp dụng chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Thời gian đào tạo: 04 năm (có thể học vượt theo quy định)

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ (chưa kể Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), phân bổ như sau:

Stt	Khối lượng học tập	Tín chỉ
1	**Kiến thức Giáo dục đại cương** (chưa kể Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)	**33**
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**, trong đó:	**82**
	Kiến thức cơ sở ngành	06
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	76
	Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	06
	Thực tế nghề nghiệp	04
	Thi tốt nghiệp hoặc khoá luận hoặc học và thi môn thay thế	06
Tổng		**131**

5. Đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Đông Đô.

5.2 Quy trình đào tạo

Theo quy chế đào tạo đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Theo quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đông Đô.

5.3. Điều kiện tốt nghiệp: Kết thúc khoá học, sinh viên có đủ các tiêu chí sau sẽ được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

Tích luỹ đủ 131 tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo;

Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

Có tiếng Anh đạt trình độ theo quy định khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung châu Âu, trình độ tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Đông Đô:

Có chứng chỉ Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh;

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

6. Thang điểm: Thang điểm 10; Thang điểm 4; Thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				LT	TH
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**33**	**31**	**2**
Học phần bắt buộc			**27**	**25**	**2**
1		Triết học Mác - Lenin	3	3	0
2		Kinh tế chính trị Mác - Lenin	2	2	0
3		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
6		Ngôn ngữ Anh 1	3	3	0
7		Ngôn ngữ Anh 2	3	3	0
8		Ngôn ngữ Anh 3	3	3	0
9		Tin học đại cương	3	1	2
11		Pháp luật đại cương	2	2	0
12		Nguyên lý kế toán	2	2	0
Học phần tự chọn (chọn 3 trong 6 học phần sau)			**6**	**6**	**0**
13		Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0
13		Đại cương về văn hóa Việt Nam	2	2	0
14		Logic học	2	2	0
14		Kỹ năng thuyết trình	2	2	0
15		Kỹ năng làm việc nhóm	2	2	0
15		Luật Công chứng, chứng thực	2	2	0

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**82**	**78**	**4**
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**6**	**6**	**0**
16		Kinh tế vi mô	2	2	0
17		Lý luận nhà nước và pháp luật	2	2	0
18		Xây dựng văn bản pháp luật	2	2	0
7.2.2. Kiến thức ngành bắt buộc			**38**	**35**	**3**
19		Luật Hiến pháp	2	2	0
20		Luật Hành chính	3	3	0
21		Luật Dân sự	4	4	0
22		Luật Tố tụng dân sự	3	3	0
23		Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự	4	3	1
24		Luật Hình sự	4	4	0
25		Luật Tố tụng hình sự	3	3	0
26		Kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự	4	3	1
27		Pháp luật hôn nhân và gia đình	3	3	0
28		Công pháp quốc tế	2	2	0
29		Tư pháp quốc tế	2	2	0
30		Kỹ năng giải quyết các tình huống trong các vụ án kinh tế	4	3	1
7.2.3. Kiến thức chuyên ngành			**38**	**37**	**1**
7.2.3.1 Học phần bắt buộc			***32***	***31***	***1***
31		Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	3	3	0
32		Luật Thương mại	3	3	0
33		Luật Ngân hàng	3	3	0
34		Luật Đất đai	4	3	1
35		Luật Lao động	3	3	0
36		Luật Thương mại quốc tế	3	3	0
37		Luật Hợp đồng	3	3	0
38		Pháp luật về thương mại điện tử	2	2	0
39		Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	2	2	0
40		Luật Môi trường	2	2	0
41		Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	2	0
42		Luật kinh doanh bất động sản	2	2	0
7.2.3.2. Tự chọn 3 trong các học phần sau			***6***	***6***	***0***
43		Luật đầu tư	2	2	0
43		Nghề luật và luật sư	2	2	0

44		Kỹ năng nghiên cứu và lập luận	2	2	0
44		Luật Đầu tư quốc tế	2	2	0
45		Luật sở hữu trí tuệ	2	2	0
45		Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng	2	2	0
7.3. Chọn 3 trong các học phần bổ trợ sau			**6**	**6**	**0**
46		Pháp luật về chứng khoán	2	2	0
46		Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	2	0
47		Quản trị doanh nghiệp	2	2	0
47		Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2	2	0
48		Kỹ năng mềm	2	2	0
48		Kiểm toán	2	2	0
48		Pháp luật về xuất nhập khẩu	2	2	0
7.4. Thực tập cuối khóa và tốt nghiệp			**10**	**6**	**4**
49		Thực tập cuối khóa	4	0	4
50		Khóa luận/học phần thay thế	6	6	0
50.1		Tội phạm kinh tế	3	3	0
50.2		Luật Doanh nghiệp	3	3	0
Tổng			**131**	**121**	**10**

8. Kế hoạch giảng dạy

HỌC KỲ I

Stt	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
1	Triết học Mác - Lenin	3	3	0
2	Pháp luật đại cương	2	2	0
3	Nguyên lý kế toán	2	2	0
4	Ngôn ngữ Anh 1	3	3	0
5	Tin học đại cương	3	1	2
6	Kỹ năng thuyết trình	2	2	0
7	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2	0
Tổng		17	15	2

HỌC KỲ II

Stt	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
1	Kinh tế chính trị Mác - Lenin	2	2	0
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
4	Ngôn ngữ Anh 2	3	3	0
5	Kinh tế vi mô	2	2	0
6	Lý luận nhà nước và pháp luật	2	2	0
7	Pháp luật hôn nhân và gia đình	3	3	0
8	Tư pháp quốc tế	2	2	0
Tổng		18	18	0

HỌC KỲ III

Stt	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
1	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0
2	Ngôn ngữ Anh 3	3	3	0
3	Luật Hiến pháp	2	2	0
4	Công pháp quốc tế	2	2	0
5	Xây dựng văn bản pháp luật	2	2	0
6	Luật Hành chính	3	3	0
7	Luật Thương mại	3	3	0
8	Luật Công Chứng, Chứng thực	2	2	0
Tổng		19	19	0

HỌC KỲ IV

Stt	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
1	Luật Dân sự	4	4	0
2	Luật Tố tụng dân sự	3	3	0
3	Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự	4	3	1

4	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	3	3	0
5	Luật Thương mại quốc tế	3	3	0
Tổng		17	16	1

HỌC KỲ V

Stt	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
1	Luật Hình sự	4	4	0
2	Luật Tố tụng hình sự	3	3	0
3	Kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự	4	3	1
4	Luật Ngân hàng	3	3	0
5	Luật Đất đai	4	3	1
Tổng		18	16	2

HỌC KỲ VI

Stt	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
1	Luật Lao động	3	3	0
2	Luật Hợp đồng	3	3	0
3	Pháp luật về thương mại điện tử	2	2	0
4	Nghề luật và luật sư	2	2	0
5	Luật Đầu tư	2	2	0
6	Kỹ năng giải quyết các vụ án kinh tế	4	3	1
Tổng		16	15	1

HỌC KỲ VII

Stt	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
1	Luật Môi trường	2	2	0
2	Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	2	0
3	Luật Kinh doanh bất động sản	2	2	0
4	Kỹ năng nghiên cứu và lập luận	2	2	0

5	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	2	2	0
6	Pháp luật về chứng khoán	2	2	0
7	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	2	0
8	Quản trị doanh nghiệp	2	2	0
Tổng		16	16	0

HỌC KỲ VIII

Stt	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
1	Giáo dục thể chất	4		
2	Giáo dục quốc phòng – An ninh	11		
3	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
4	Khoá luận tốt nghiệp/học phần thay thế	6	6	0
4.1	Tội phạm kinh tế	3	3	0
4.2	Luật Doanh nghiệp	3	3	0
Tổng		10	6	4

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Đối với Khoa Luật kinh tế

- Phải thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;
- Cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên giảng dạy học phần, đảm bảo tính ổn định học phần giảng dạy;
- Cố vấn học tập phải hiểu nội dung, hình thức thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần;
- Chuẩn bị đủ học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;
- Chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mô đun kiến thức của học phần tiên quyết, học phần bắt buộc, học phần tự chọn và học phần cơ sở ngành, học phần ngành, học phần chuyên ngành .

9.2. Đối với giảng viên

- Phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;
- Phải giới thiệu học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên trước khi lên lớp để sinh viên chuẩn bị bài trước khi nghe giảng;

- Cố gắng tổ chức các buổi thảo luận, chú trọng việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận;

- Có phương pháp truyền thụ, thuyết trình, giải quyết vấn đề tại lớp và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Kiểm tra, đánh giá

- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Theo quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đông Đô.

9.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần phù hợp với tiến độ đào tạo và khả năng theo học của bản thân;

- Phải nghiên cứu chương trình đào tạo trước khi lên lớp, dễ tiếp thu bài giảng;

- Phải lên lớp đủ thời gian quy định để nghe giảng;

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, tích cực tham gia học nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thảo luận, tọa đàm khoa học (seminar);

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của Nhà trường để phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp;

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

9.5. Dự kiến mức học phí/người học/năm: 450.000 VND / 01 tín chỉ. Mức tăng không quá 10%/năm./.

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG	PHÒNG ĐT & QLSV TRƯỞNG PHÒNG	KHOA LUẬT KINH TẾ TRƯỞNG KHOA
PGS.TS. Lê Ngọc Tòng	TS. Nguyễn Thái Sơn	TS. Đặng Thuý Quỳnh

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

PGS.TS. Lê Ngọc Tòng